

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HS-ST
Ngày 26/5/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lộc Trang

2. Ông Đinh Đăng Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Bưởi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Nông Triệu Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 09/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST - HS ngày 13 tháng 5 năm 2021 đối với:

Bị cáo: **Nguyễn Văn Tr** (Tên gọi khác: Không)

Sinh ngày 02 tháng 4 năm 1978 tại tỉnh Nam Định.

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nơi đăng ký tạm trú: phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ: Nguyễn Thị T; con: có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/01/2021 đến ngày 22/01/2021 thì áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1979. Trú tại: Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 20 phút ngày 19/01/2021, Công an thị trấn P, huyện B đang tuần tra kiểm soát tại Quốc lộ 3, thuộc phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, phát hiện

một đối tượng nam giới mặc áo khoác màu đen, đeo khẩu trang, đội mũ bảo hiểm màu bạc, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97F6-2452 đi theo hướng Bắc Kạn - Cao Bằng, có biểu hiện tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổ công tác tiến hành dừng phương tiện, kiểm tra đối tượng không xuất trình được giấy tờ tùy thân và trình bày họ tên Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1978, có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; hiện đang tạm trú tại phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình kiểm tra phát hiện và tạm giữ tại túi áo khoác đằng trước bên trái Tr đang mặc 02 ống nhựa màu trắng, được dán kín hai đầu bên trong có chứa chất bột màu trắng, nghi là chất ma túy, niêm phong trong phong bì ký hiệu “T”, 01 điện thoại di động cũ đã qua sử dụng, màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung, mặt sau màu xám. Tổ công tác không kiểm tra tình trạng máy, niêm phong trong phong bì ký hiệu “T1”; Tại túi áo khoác đằng trước bên phải Tr đang mặc trên người phát hiện 02 chiếc xi lanh chưa qua sử dụng, 01 lọ nước có chữ viết NOVOCAIN niêm phong trong bì ký hiệu “T2”.

Tại Biên bản cân xác định khối lượng chất bột nghi là ma túy ngày 20/01/2021 xác định: Tổng khối lượng số chất bột màu trắng trong 02 ống nhựa màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn Tr có khối lượng là 0,206g (*không thấy hai không sáu gam*), sau khi cân tiến hành cho toàn bộ số chất bột màu trắng niêm phong trong phong bì mới ký hiệu “GD” để gửi giám định. Đối với 02 ống nhựa màu trắng và phong bì cũ được niêm phong trong phong bì mới ký hiệu “T4”.

Tại Kết luận giám định số: 41/KTHS-MT ngày 24/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn, kết luận: Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu GD gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,206g (*không thấy hai không sáu gam*).

Tại Bản cáo trạng số 09/CT-VKSBT ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo qui định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

.....
c. Heroine... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

.....”

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38/BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 20/01/2021 đến ngày 22/01/2021.

* Về hình phạt bổ sung là phạt tiền: Không áp dụng đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu “T4” bên trong có 02 ống nhựa màu trắng và vỏ phong bì niêm phong ban đầu.

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T41, bên trong có 0,170g (*Không thấy một bầy không gam*) ma túy, loại Heroin cùng phong bì, giấy gói cũ. Hoàn trả sau giám định.

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu “T2” bên trong có 02 chiếc xi lanh chưa qua sử dụng, 01 lọ nước cất có chữ viết NOVOCAIN, chưa qua sử dụng.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung màu xám, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, kèm theo là 01 sim số 0967 294 934

- Tịch thu hoá giá 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUFAT biển kiểm soát 97F6-2452, số khung CH9PJ5A780870; số máy 1P50FMH780870, trong đó tịch thu sung quỹ Nhà nước ½ trị giá của chiếc xe và trả cho chị Nguyễn Thị T ½ trị giá của chiếc xe.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm như cáo trạng đã truy tố và không có khiếu nại về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị T khẳng định chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUFAT biển kiểm soát 97F6-2452, số khung CH9PJ5A780870; số máy 1P50FMH780870 là tài sản chung của chị và bị cáo Tr, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung màu xám, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng là tài sản riêng của chị, việc bị cáo Tr sử dụng xe đi mua ma túy chị không biết và chị đề nghị xin lại điện thoại còn chiếc xe đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa xác định: Do bản thân sử dụng chất ma túy nên vào khoảng 22 giờ 20 phút ngày 19/01/2021, tại phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, Nguyễn Văn Tr đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,206g (*không thấy hai không sáu gam*) ma túy, loại Heroine tại bên trong túi áo khoác đang trước bên trái Tr đang mặc, nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Số ma túy này bị cáo mua với người đàn ông không biết họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể tại khu vực thôn K, xã N, thành phố B1, tỉnh Bắc Kạn với số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Xét thấy lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài

liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, việc truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Văn Tr về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm, xâm phạm quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: bị cáo Nguyễn Văn Tr có nhân thân xấu. Năm 2013 bị TAND huyện B xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52/BLHS. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Văn C được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS.

[4]. Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Nguyễn Văn Tr tại thành phố B1, quá trình điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không có căn cứ để xem xét, xử lý trong vụ án này, xét thấy là phù hợp với quy định pháp luật.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người sử dụng ma túy, lao động tự do, thu nhập không ổn định. Qua xác minh tại địa phương không có tài sản nên không có khả năng thi hành án do đó không áp dụng.

[6]. Vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu “T4” bên trong có 02 ống nhựa màu trắng và vỏ phong bì niêm phong ban đầu.

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T41, bên trong có 0,170g (*Không thấy một bầy không gam*) ma túy, loại Heroin cùng phong bì, giấy gói cũ. Hoàn trả sau giám định.

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu “T2” bên trong có 02 chiếc xi lanh chưa qua sử dụng, 01 lọ nước cất có chữ viết NOVOCAIN, chưa qua sử dụng.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung màu xám, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, kèm theo là 01 sim số 0967 294 934

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUFAT biển kiểm soát 97F6-2452, số khung CH9PJ5A780870; số máy 1P50FMH780870 là tài sản chung của hai vợ chồng bị cáo. Bị cáo đã sử dụng xe làm phương tiện đi mua ma túy do đó cần tịch thu hóa giá chiếc xe trên, trong đó tịch thu sung quỹ Nhà nước ½ trị giá của chiếc xe và trả cho chị Nguyễn Thị T ½ trị giá của chiếc xe.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Tr phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/01/2021 đến ngày 22/01/2021.

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu “T4” bên trong có 02 ống nhựa màu trắng và vỏ phong bì niêm phong ban đầu.

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T41, bên trong có 0,170g (*Không phải một bầy không gam*) ma túy, loại Heroin cùng phong bì, giấy gói cũ. Hoàn trả sau giám định.

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu “T2” bên trong có 02 chiếc xi lanh chưa qua sử dụng, 01 lọ nước cất có chữ viết NOVOCAIN, chưa qua sử dụng.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung màu xám, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, kèm theo là 01 sim số 0967 294 934

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUFAT biển kiểm soát 97F6-2452, số khung CH9PJ5A780870; số máy 1P50FMH780870 là tài sản chung của hai vợ chồng bị cáo. Bị cáo đã sử dụng xe làm phương tiện đi mua ma túy do đó cần tịch thu hóa giá chiếc xe trên, trong đó tịch thu sung quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ trị giá của chiếc xe và trả cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979, trú tại: Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn $\frac{1}{2}$ trị giá của chiếc xe.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 22/4/2021).

- Về án phí: Căn cứ Điều 136/BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự”.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND B 1;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn 1;
- CA huyện B 2;
- Bị cáo 1;
- NCQLNVLQ 1
- TA tỉnh 1;
- Sở tư pháp 1;
- THADS 1;
- Lưu Hồ sơ vụ án 1;
- Lưu 1;

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**Lý Thị Thúy**